TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 8 - 2021
Về việc không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Tâm.

2. Ông Lương Trường Giang.

***- Thư ký phiên tòa**:* Bà Lý Thị Mỹ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa**:* Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao Văn Q, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Cao Văn Q trình bày:

Ông Cao Văn Q và bà Võ Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời kỳ sống chung, giữa ông Q và bà L thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2021 đến nay. Hiện nay ông Q nhận thấy ông và bà L không thể hàn gắn tình cảm và sống chung với nhau được nữa, ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bà L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Q và bà L có 02 con chung là Cao Phi H, sinh ngày 14/6/1997 và Cao Võ Bình Y, sinh ngày 10/01/2007. Đối với con chung Cao Phi H đã trên 18 tuổi nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Q đồng ý giao con chung Cao Võ Bình Y cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Cao Văn Q và bà Võ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị L trình bày: Bà L đồng ý với trình bày của ông Q về thời gian chung sống, tình trạng hôn nhân. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa, bà L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Cao Văn Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông Q có 02 con chung là Cao Phi H, sinh ngày 14/6/1997 và Cao Võ Bình Y, sinh ngày 10/01/2007. Đối với con chung Cao Phi H đã trên 18 tuổi nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Cao Võ Bình Y cho đến khi cháu Yên đủ 18 tuổi. Bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung Cao Võ Bình Y.

Về tài sản chung: Bà Võ Thị L và ông Cao Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Cao Văn Q và bị đơn bà Võ Thị L đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn Q, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Cao Văn Q và bà Lê Thị L. Về con chung: Giao con chung Cao Võ Bình Y, sinh ngày 10/01/2007 cho bà Võ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Đối với con chung Cao Phi H đã trên 18 tuổi, nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Ông Cao Văn Q và bà Võ Thị L tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Cao Văn Q và bị đơn bà Lê Thị L đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Cao Văn Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Cao Văn Q và bà Lê Thị L nên quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Lê Thị L có nơi cư trú tại tổ dân phố 6, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung khởi kiện của ông Cao Văn Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn Q và bà Võ Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996. Trong quá trình chung sống từ năm 1996 đến đầu năm 2021 giữa ông Q và bà L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Q và bà L tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông Q và bà L đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Đến đầu năm 2021 ông Q và bà L sống ly thân. Qua xác minh trên thực tế, ông Cao Văn Q và bà Võ Thị L không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Xét thấy, ông Q và bà L chung sống với

nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến đầu năm 2021 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm c khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn Q, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Cao Văn Q và bà Võ Thị L.

Về con chung: Ông Cao Văn Q và bà Võ Thị L thỏa thuận thống nhất giao con chung Cao Võ Bình Y, sinh ngày 10/01/2007 cho bà Võ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2021, cháu Cao Võ Bình Y có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là bà Võ Thị L. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ giao con chung Cao Võ Bình Y, sinh ngày 10/01/2007 cho bà Võ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Cao Võ Bình Y đủ 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con; thay đổi người trực tiếp nuôi con; hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị L không yêu cầu ông Cao Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung Cao Võ Bình Y, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Việc thực hiện, thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo quy định tại các điều 107, 110, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với con chung Cao Phi H trên đủ 18 tuổi, ông Q và bà L không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Cao Văn Q và bà Võ Thị L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Cao Văn Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông Cao Văn Q và bà Võ Thị L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn Q đối với bà Võ Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Cao Văn Q và bà Võ Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Cao Võ Bình Y, sinh ngày 10/01/2007 cho bà Võ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con; thay đổi người trực tiếp nuôi con; hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Võ Thị L không yêu cầu ông Cao Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung Cao Võ Bình Y.

Việc thực hiện, thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 107, 110, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Ông Cao Văn Q và bà Võ Thị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Cao Văn Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007104 ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký, đóng dấu

Lê Xuân Diệu